

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Nhơn Trạch năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 12/2/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

UBND xã ban hành kế hoạch Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Nhơn Trạch năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã Nhơn Trạch theo tinh thần “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”; bảo đảm bám sát các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, các kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; phát huy tính chủ động, sáng tạo của cán bộ, công chức, các ấp, Tổ công nghệ số cộng đồng và sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Góp phần xây dựng chính quyền số cấp xã hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã Nhơn Trạch.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên của cấp xã như: nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; triển khai hiệu quả Đề án 06; phổ cập chữ ký số cá nhân; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; nâng cao kỹ năng số cho người dân.

- Bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất, có mục tiêu cụ thể, nguồn lực thực hiện, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành; phân công rõ trách nhiệm cho

từng cán bộ, công chức, bộ phận chuyên môn và các ấp; tránh hình thức, dàn trải, không phù hợp với thẩm quyền cấp xã.

- Thực hiện tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí trong đầu tư, mua sắm, triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; ưu tiên sử dụng các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

- Bảo đảm 100% nhiệm vụ do cấp trên giao liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được theo dõi, cập nhật tiến độ trên hệ thống quản lý văn bản và hệ thống theo dõi nhiệm vụ; thông tin, số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tập trung triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc thẩm quyền cấp xã; bảo đảm đóng góp thực chất, có thể đo lường vào nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và cải cách hành chính tại địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quản lý, điều hành và trong sản xuất, kinh doanh của người dân; khuyến khích áp dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp, thương mại – dịch vụ, kinh doanh hộ cá thể; hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm qua sàn thương mại điện tử và các nền tảng số.

- Tổ chức triển khai, khai thác hiệu quả các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của tỉnh; sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, Đề án 06 và quản lý nhà nước trên địa bàn xã; bảo đảm liên thông, chia sẻ dữ liệu theo đúng quy định.

- Từng bước nâng cấp trang thiết bị, bảo đảm hạ tầng mạng, trang bị chữ ký số, tài khoản định danh điện tử cho cán bộ, công chức; vận hành hiệu quả Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã; bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp liên tục, đúng hạn, không để tồn đọng.

- Phấn đấu xây dựng chính quyền số cấp xã hoạt động minh bạch, hiện đại; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; góp phần cải thiện các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số chuyển đổi số (DTI) của địa phương theo đánh giá của cấp trên.

- Duy trì, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tăng tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến; giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn; khắc phục các tồn tại, hạn chế trong triển khai chuyển đổi số năm 2025, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn 2026–2030.

2. MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2026

STT	Nội dung chỉ tiêu phấn đấu đạt được đến cuối năm 2026	Đơn vị tính	Kết quả	Đơn vị chủ trì theo dõi
I	Hạ tầng số			
1	Tỉ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã	%	$\geq 60\%$	Phòng VH-XH
2	Tỷ lệ Trung tâm VH-TT-HTCĐ xã, Nhà văn hóa ấp có wifi miễn phí phục vụ người dân	%	100%	Phòng VH-XH
II	Về phát triển Nguồn lực			
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100%	Phòng VH-XH
4	Tỉ lệ cán bộ, công chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100%	VP HĐND & UBND
5	Tỷ lệ học sinh từ cấp tiểu học trên địa bàn được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nhận biết nguy cơ và an toàn môi trường số	%	100%	Các trường học trên địa bàn
6	Tỷ lệ thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn	%	100%	Phòng VH-XH; Tổ CNSCĐ
7	Tỉ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	$\geq 90\%$	Phòng VH-XH, Trạm Y tế, Tổ CNSCĐ
III	Về phát triển khoa học, công nghệ & Đổi mới sáng tạo			
8	Sáng kiến cải tiến trong khu vực công được công nhận	Sáng kiến	≥ 01	Thường trực HĐ TĐKT xã
9	Mô hình ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh	Mô hình	≥ 01	Phòng Kinh tế
10	Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ (IoT, tự động hóa...) vào sản xuất nông nghiệp, quản lý môi trường, nâng cao chất lượng sống người dân	Mô hình	Có triển khai	Phòng Kinh Tế
IV	Về phát triển chuyển đổi số & Cải cách hành chính			
11	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	%	$\geq 90\%$	Trung tâm PV HCC
12	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC	%	$\geq 80\%$	Trung tâm PV HCC
13	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	%	$\geq 95\%$	Trung tâm PV HCC
14	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng dịch vụ công	%	$\geq 100\%$	Trung tâm PV HCC

	quốc gia			
15	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	$\geq 100\%$	Trung tâm PV HCC
16	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	%	$\geq 90\%$	Trung tâm PV HCC
17	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	%	100%	Văn phòng
18	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	$\geq 95\%$	Trung tâm PV HCC
19	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	$\geq 100\%$	Phòng VH-XH
20	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VneID)	%	$\geq 80\%$	Công an xã
21	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số cá nhân	%	$\geq 40\%$	Phòng VH-XH
22	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	$\geq 95\%$	Trạm Y tế
23	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	$\geq 90\%$	Phòng VH-XH
24	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	%	$\geq 100\%$	VP HĐND & UBND

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

Năm 2026, UBND xã Nhơn Trạch tập trung triển khai đồng bộ, thực chất các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo định hướng của Trung ương và tỉnh; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; lấy dữ liệu làm nền tảng; gắn kết chặt chẽ với mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện

- Cụ thể hóa Nghị quyết 57-NQ/TW và Kế hoạch 91/KH-UBND của tỉnh bằng chương trình, nhiệm vụ cụ thể tại cấp xã theo nguyên tắc “6 rõ”; gắn chỉ tiêu KHCN, ĐMST, CDS với chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội năm 2026.

- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số xã Nhơn Trạch năm 2026 và giai đoạn 2026–2030.

- Kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng áp.

- Lồng ghép nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS vào kế hoạch cải cách hành chính, thi đua – khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức.

2. Triển khai, thụ hưởng các chương trình của tỉnh gắn với phát triển hạ tầng và nền tảng số

- Tổ chức triển khai đầy đủ, đúng tiến độ các chương trình, đề án, mô hình KHCN, ĐMST, CDS do tỉnh ban hành; bảo đảm thực hiện thống nhất, đồng bộ với hệ thống dùng chung của tỉnh và Trung ương.

- Phối hợp triển khai các mô hình thí điểm (nếu được phân công) như: nền tảng quản lý thôn/ấp/khu dân cư, nền tảng quản lý chợ, mô hình đô thị thông minh cấp xã, các hệ thống phục vụ điều hành, quản lý dân cư và an sinh xã hội.

- Đầu tư, bổ sung và khai thác hiệu quả trang thiết bị công nghệ thông tin; bảo đảm 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính, chữ ký số và làm việc trên môi trường điện tử.

- Duy trì, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ, bảo đảm kết nối internet ổn định, an toàn; khai thác hiệu quả hệ thống wifi công cộng tại Trung tâm VH-TT-HTCĐ xã và Nhà văn hóa các ấp theo quy định.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung; bảo đảm dữ liệu được liên thông, chia sẻ, hạn chế nhập liệu nhiều lần.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân, hộ kinh doanh tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử (VNeID), thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu; chủ động phản ánh khó khăn, vướng mắc để được hướng dẫn, tháo gỡ kịp thời.

3. Về Phát triển chính quyền số và Cải cách hành chính

- Tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo hướng số hóa toàn diện, đơn giản hóa thành phần hồ sơ; thực hiện nguyên tắc “khai một lần – sử dụng nhiều lần”, khai thác hiệu quả dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu dùng chung.

- Duy trì 100% văn bản trao đổi giữa UBND xã và cấp trên dưới dạng điện tử; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, cập nhật đầy đủ, đúng quy định trên hệ thống.

- Nâng cao tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt từ 80% trở lên.

- Bảo đảm 100% kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính đủ điều kiện được cấp bản điện tử.

- Tăng tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa đạt từ 90% trở lên; bảo đảm dữ liệu “đúng – đủ – sạch – sống – thống nhất – dùng chung”.

- Bảo đảm 100% phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận và xử lý đúng hạn; mức độ hài lòng đạt từ 95% trở lên.

- Phân đầu giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ so với năm 2025; góp phần cải thiện chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp và các chỉ số chuyển đổi số của địa phương.

4. Về phát triển nguồn nhân lực và nâng cao kỹ năng số

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức; nâng cao năng lực khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, nền tảng số và cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Củng cố, bồi dưỡng và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn, an ninh mạng; nâng cao nhận thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng phòng tránh rủi ro trên môi trường số cho cán bộ và người dân.

IV. GIẢI PHÁP

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Xây dựng kế hoạch chi tiết theo nguyên tắc “6 rõ”; phân công cụ thể trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân; gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Thực hiện chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử; cập nhật tiến độ thực hiện nhiệm vụ trên hệ thống quản lý văn bản và phần mềm theo dõi nhiệm vụ của cấp trên.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

2. Về cơ chế và huy động nguồn lực

- Rà soát, cập nhật và triển khai đầy đủ các cơ chế, chính sách của Trung ương và tỉnh về phát triển KHCN, ĐMST, CDS; bảo đảm thực hiện đúng thẩm quyền, không chồng chéo.

- Lồng ghép nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS vào kế hoạch cải cách hành chính, chuyển đổi số, thi đua – khen thưởng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Chủ động phối hợp với các sở, ngành, doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng và các tổ chức liên quan trong triển khai các chương trình, mô hình chuyển đổi số tại địa phương.

3. Về chuyển đổi số

- Phát triển chính quyền số cấp xã theo hướng hoạt động dựa trên dữ liệu; tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và trả kết quả điện tử.

- Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, trả kết quả điện tử; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong phổ cập kỹ năng số cơ bản, hướng dẫn sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số quốc gia.

- Thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh mạng; phối hợp triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

4. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong hoạt động quản lý nhà nước cấp xã; khuyến khích sáng kiến, cải tiến quy trình, ứng dụng công nghệ mới nâng cao hiệu quả công việc.

- Hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm; góp phần phát triển kinh tế số địa phương.

- Phối hợp triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm chủ lực, OCOP và chuyển đổi số trong nông nghiệp theo định hướng của tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan chuyên môn, ban ngành, đoàn thể xã, các ấp

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này, xây dựng nội dung công việc cụ thể, xác định rõ lộ trình, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân; chủ động lồng ghép nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào chương trình công tác năm 2026 của đơn vị.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; chịu trách nhiệm trước UBND xã, Chủ tịch UBND xã về tiến độ, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ được phân công; gắn kết quả thực hiện với đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng (trước ngày 20 hằng tháng) về UBND xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị – xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực

tham gia thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số của Nhà nước.

2. Phòng Văn hoá – Xã hội

- Là đầu mối tham mưu UBND xã tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu; tham mưu UBND xã điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết nhằm bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực hiện.

- Tham mưu đưa kết quả thực hiện chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công chức và người đứng đầu theo quy định.

3. Phòng Kinh tế

- Tham mưu UBND xã bố trí kinh phí trong khả năng ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng thực tiễn, phục vụ trực tiếp người dân và hộ kinh doanh.

- Phối hợp rà soát, đề xuất các mô hình ứng dụng tiên bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ trên địa bàn; khuyến khích áp dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

- Hướng dẫn, hỗ trợ hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã tiếp cận các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, thương mại điện tử; triển khai các mô hình kinh tế số như thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, kinh doanh trên nền tảng số.

4. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Tham mưu tổ chức thực hiện chỉ đạo, điều hành của UBND xã trên môi trường điện tử; bảo đảm việc giao việc, theo dõi, đôn đốc nhiệm vụ được thực hiện thông qua hệ thống quản lý văn bản và phần mềm điều hành.

- Bảo đảm 100% văn bản trao đổi giữa UBND xã với cấp trên và các đơn vị liên quan được xử lý trên môi trường điện tử, có ký số theo quy định.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu; từng bước hình thành môi trường làm việc không giấy tờ tại UBND xã.

5. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

- Tổ chức tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; bảo đảm 100% hồ sơ được số hóa, cập nhật đầy đủ, đúng quy định.

- Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến; nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp

- Phối hợp khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện thống kê, báo cáo theo quy định.

6. Các áp và Tổ công nghệ số cộng đồng

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử (VNeID), thanh toán không dùng tiền mặt, sổ sức khỏe điện tử, chữ ký số cá nhân và các ứng dụng phục vụ quản lý.

- Phối hợp cập nhật, rà soát dữ liệu dân cư, an sinh xã hội và các lĩnh vực kinh tế – xã hội khác bảo đảm đầy đủ, chính xác, phục vụ công tác quản lý và giải quyết thủ tục hành chính.

- Kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai đề UBND xã tổng hợp, xử lý hoặc đề xuất cấp trên hỗ trợ.

7. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao

- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận chuyên môn, ban ngành, đoàn thể xã đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Kế hoạch của UBND xã.

- Tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, Trang thông tin điện tử xã, mạng xã hội chính thống của địa phương; kịp thời phổ biến chủ trương, chính sách, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số của Nhà nước.

- Xây dựng chuyên mục, tin, bài, phóng sự tuyên truyền gương điển hình, mô hình hay trong ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số tại địa phương; góp phần tạo sự đồng thuận, nâng cao nhận thức và thúc đẩy người dân tích cực tham gia.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Nhơn Trạch năm 2026. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo UBND xã (qua Phòng Văn hoá – Xã hội) để tổng hợp, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KHCN;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Chánh, PCVP HĐND và UBND xã;
- Các đơn vị tại mục V;
- Lưu: VT-VP. PVHXXH (Thanh).

CHỦ TỊCH

Lư Thành Nam